

# SỰ NGHIỆP CẦN VƯƠNG CỦA LÊ MÔ KHỞI

ThS. LÊ THỊ KIM DUNG  
Trường Đại học Khoa học Huế

## 1. Vài nét về thân thế, sự nghiệp Lê Mô Khởi

Lê Mô Khởi (1836-1895), sinh ra trong một gia đình truyền thống nho học, quê ở làng Cao Lao Hạ, nay thuộc xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Cụ thân sinh ra ông là Lê Văn Giản, đỗ Cử nhân và làm quan Tri huyện dưới triều Thiệu Trị. Ông còn có các tên khác như Lê Tuấn, Lê Ngọc Thành.

Thuở nhỏ, khi đi học ông có tên là Lê Ngọc Thành, ông thi đỗ Cử nhân năm 1861 (lúc ông 26 tuổi). Khi ra làm quan, ông mới lấy tên là Lê Mô Khởi (có nhiều tài liệu ghi là Lê Mô Khải). Ông từng được bổ làm quan ở Bình Định, rồi cử chấm trường thi Thanh Hóa. Trong kinh ông giữ các chức Thị độc sung Sử quán Biên tu, Hồng Lô tự thiếu khanh, Tá lý bộ Lại. Cấp địa phương ông giữ các chức Án sát, Bộ chính tỉnh Hải Dương.

Thời kỳ Lê Mô Khởi làm quan ở Hải Dương cũng là những năm tháng đất nước gặp nhiều khó khăn bởi sự quấy phá của các toán phi người Hán thường tràn sang để cướp phá các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta (tên thường gọi các nhóm phi này là giặc Cờ Đen, Cờ Vàng). Là một quan văn nhưng do trấn giữ vùng trọng yếu nên Lê Mô Khởi phải kiêm làm võ tướng. Ông đã tham gia nhiều cuộc chống phi, xông pha trực tiếp nơi chiến trận để giữ gìn an ninh nội địa và bảo vệ cuộc sống cho nhân dân.

Thời gian Lê Mô Khởi làm quan ở đây cũng là lúc người Pháp bắt đầu xâm nhập nhiều nơi ở Bắc Kỳ, vì vậy, ông cũng là người trực tiếp chứng kiến những hành động cướp phá, trấn áp, bóc lột của thực dân Pháp. Quân Pháp bỏ qua quyền hạn, luật pháp của triều đình, thản nhiên chém giết dân lành, quan quân ta một cách vô cớ. Thời gian này chủ trương của triều đình vẫn là nghị hòa, mềm dẻo, vì vậy không ai dám đứng lên hành động đánh trả quân Pháp vì sợ mang tội. Trong khi đó, một bộ phận quan quân triều đình vẫn tham sống sợ chết, tranh quyền cố vị, bỏ qua nỗi đau đớn, nhục nhã của đất nước, của nhân dân. Như vậy, cùng một lúc, Lê Mô Khởi vừa phải chứng kiến cuộc sống lầm than, cơ cực của người dân, vừa phải chứng kiến cảnh một bộ phận quan quân thoái nát. Với bản tính cương trực, trong cương vị của mình, Lê Mô Khởi đã lên tiếng phản ứng mặc dù các quan lại đó đều có thể lực trong triều ra sức bảo vệ.

Khi vua Tự Đức mất (1883), vua Kiến Phúc lên nối nghiệp vẫn tiếp tục chủ trương nghị hòa trong khi quân Pháp đã tiến hành đánh phá khắp nơi. Trong triều đã bộc lộ rõ tình cảnh phân chia bè phái và diễn ra sự bất đồng giữa các bên. Thực dân Pháp thì không ngừng thực hiện việc gây sức ép, vì vậy, hàng trăm quan lại ở Bắc Kỳ bị giáng chức vì có hành vi chống Pháp. Lê Mô Khởi cũng là một trong những người vì có những hành động chống Pháp và các hoạt động phản bội của bọn tay sai nên bị triệu về kinh đọi luận tội. “Còn như vụ án ở Hải Dương thì cần xem lại, chỉ có viên Án sát sứ Lê Mô Khởi lần ấy đi trú ra tỉnh mới, có hiềm khích với các quan tỉnh, hiện nay đã về kinh đọi tội, chuẩn giáng xuống 3 cấp, điều bổ”.<sup>1</sup> Theo chủ trương nghị hòa của triều đình bấy giờ, thì chính những sĩ phu đã xông pha nơi lửa đạn để chống lại giặc Pháp đều là những người có tội.

Cũng trong lần về kinh chịu tội này, Lê Mô Khởi đã có những nhận thức sâu sắc về nội tình của triều đình, cũng như những quan điểm, tư tưởng trái ngược giữa các phe phái trong triều về việc đánh hay hòa với thực dân Pháp. Một mặt, ông thấy rõ sự nhút nhát đến trở nên hèn yếu của bộ phận quan lại đi theo tư tưởng cầu an, đầu hàng thực dân Pháp; mặt khác, ông cũng nhận ra rằng vẫn có một bộ phận quan lại trong triều chủ trương đánh Pháp để khôi phục lại chủ quyền quốc gia. Nhận thức được thực tế đó, Lê Mô Khởi vẫn nuôi dưỡng ý chí đánh Pháp để bảo vệ bờ cõi đất nước và cuộc sống của người dân. Ông đã mạnh dạn trình bày ý kiến của mình cũng như phương sách đối phó với thời cuộc và ngỏ ý mong triều đình chấp thuận. Quan điểm cũng như những ý kiến của Lê Mô Khởi tâu lên triều đình đã chứng tỏ ông là một người hiểu thời thế, có tài năng đức độ mà lại hết lòng vì nước, vì dân nên triều đình đã không xử tội mà còn thăng chức cho ông, điều bổ ông trở lại làm Bố chính ở Hải Dương.<sup>2</sup>

Đến năm 1884, trước sự tấn công hung bạo của giặc Pháp, triều đình Huế ký tiếp hiệp ước Patenôtre. Tình hình đó đã khiến nhiều quan lại, sĩ phu đi theo khuynh hướng chủ chiến thất vọng, phần uất nên đã từ quan về ở ẩn, Lê Mô Khởi là một trong số đó.

Có thể nói, thời điểm Lê Mô Khởi bước chân vào hoạn lộ, cũng chính là lúc vận nước “ngàn cân treo sợi tóc”. Là một nhà nho có chí khí, giàu lòng yêu nước và tâm huyết, ông ra làm quan với lòng thiết tha mong muốn đem lại những điều sở đắc của mình để giúp dân giúp nước. Nhưng trước thực tế chế độ phong kiến đã suy tàn, thực dân Pháp ngày càng xâm lấn nước ta khiến ông rất thất vọng nên đã quyết định “treo ấn từ quan” lui về quê quán.

<sup>1</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.25.

<sup>2</sup>. Tư tưởng của Lê Mô Khởi hợp ý với chủ trương của phe chủ chiến, mà đại diện là hai quan phụ chính Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, hai người có uy quyền và uy tín lớn trong triều.

Trở về quê ở ẩn, nhưng Lê Mô Khởi vẫn nung nấu hoài bão giúp nước giúp dân. Điều đó được thể hiện qua nhiều việc làm có ích cho làng xã như gìn giữ thuần phong mỹ tục, chăm lo xây dựng quê hương, xây dựng lối sống văn hóa lành mạnh, cao đẹp. Ông vẫn là quan tiên chỉ của làng Cao Lao Hạ, người dân thường gọi ông là Quan lớn Lê.

Lê Mô Khởi còn mở trường dạy học để truyền bá những tư tưởng tiên bộ, truyền bá văn minh cho người dân quê. Theo ông, việc mở mang kiến thức, học hỏi văn minh tiên tiến là yếu tố tiên quyết để giúp người dân phát triển sản xuất, phát triển kinh tế. Tất cả những việc này đều xuất phát từ mong muốn của ông là người dân lành có được cuộc sống no ấm, bình yên, con em được học hành đầy đủ. Chính tấm lòng vĩ đại ấy đã mang lại cho người dân ở quê ông niềm vui, niềm phấn chấn, niềm tin tưởng. Bởi vì, trong những bài học ông dạy cho học trò, bên cạnh những kiến thức thông thường, Lê Mô Khởi còn chú trọng nhiều đến việc khơi dậy tinh thần yêu nước thương dân, khơi dậy lòng căm thù giặc trong tầng lớp thanh niên, học sinh.

## **2. Sự nghiệp Cần Vương của Lê Mô Khởi**

Lê Mô Khởi lập nghiệp và thành danh đúng vào thời kỳ đất nước đứng trước ba đại họa<sup>3</sup>: nền chính trị phong kiến lỗi thời, kinh tế - xã hội suy thoái, độc lập dân tộc đứng trước thử thách tồn vong. Lê Mô Khởi phải đứng trước một sự lựa chọn không trọn vẹn và ông đã quyết định tạm gác những đại họa nội trị để liên minh lại trong ngọn cờ dân tộc - đó là phong trào Cần Vương.

Lựa chọn này xuất phát từ nền đạo đức nho học mà ông được giáo dục từ nhỏ, trong đó tư tưởng “trung quân ái quốc” luôn là tư tưởng cốt lõi nhất. Lê Mô Khởi đã đặt tình yêu tổ quốc lên trên hết, nhất là trước nạn xâm lăng của thực dân Pháp. Vì vậy, ông luôn nghĩ đến Tổ quốc, đến độc lập dân tộc, đến trách nhiệm của một người dân, của một văn thân là phải ra gánh vác, không được xa rời vị trí, không được quên đất nước.

Năm 1885, kinh đô Huế thất thủ, vua Hàm Nghi cùng một số tướng lĩnh theo phe chủ chiến phải xuất bôn ra Quảng Trị. Tại đây, vua xuống dụ Cần Vương, kêu gọi toàn dân góp công góp sức giúp vua chống giặc, cứu nước. Sau ít lâu, vua Hàm Nghi ra Quảng Bình và chọn nơi đây làm chỗ đứng chân chống giặc, cứu nước. Như được tiếp thêm sức mạnh, khát vọng cứu nước giúp dân mà Lê Mô Khởi từng nuôi dưỡng được khơi mào trở dậy, ông hưởng ứng dụ Cần Vương, tự mình đứng lên kêu gọi sự góp sức đồng lòng của nhân dân trong vùng, tập hợp thành đội nghĩa quân. “Nhận được chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, lại được sự động viên của người bạn cùng chí hướng Lê Trực, ông

---

<sup>3</sup>. Theo nhận định của TS. Nguyễn Khắc Thái, phần “Đôi lời giới thiệu” trong Lê Mô Khởi - Danh tướng thời Cần Vương, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002.

Lê Mô Khởi đã chính thức tuyên bố khởi nghĩa. Dương cao ngọn cờ “Hộ giá Cần Vương” kêu gọi nhân dân trong vùng đoàn kết một lòng, nổi dậy chống Pháp, cứu nước. Ông rất phấn khởi và tin tưởng vào việc làm của mình”.<sup>4</sup>

Lê Mô Khởi tổ chức làm lễ tế cờ, chính thức phát động nghĩa quân và nhân dân vũ trang chống Pháp. Tại đây, nghĩa quân cũng tổ chức đại hội, cử ra một bộ chỉ huy tối cao, trong đó Lê Mô Khởi giữ chức Chánh tướng. Đại hội cũng đã tập hợp được lực lượng đông đảo trong nhân dân với chủ trương bỏ qua mọi sự phân biệt giàu nghèo, sang hèn, tất cả tập hợp nhau theo địa dư, làng mạc, thôn xóm, dòng họ...

Lúc đầu nghĩa quân lấy đình làng và thành Khu Túc (Thiềng Kê Hạ) làm nơi huấn luyện và hội quân. Sau này, để tính chuyện lâu dài, Lê Mô Khởi đã lựa chọn Trại Nái để xây dựng căn cứ chống Pháp. Vì vậy, Trại Nái là một căn cứ kháng chiến gắn liền với tên tuổi của Lê Mô Khởi, bởi chính ông là người lựa chọn và xây dựng căn cứ này phục vụ cho chiến thuật đánh du kích lúc bấy giờ.

Trại Nái nằm giữa vùng núi Lệ Đệ (nay gọi là Ba Trại), án ngữ trước làng Cao Lao Hạ, có địa thế rất hiểm trở vì nằm giữa núi rừng trùng điệp. Lê Mô Khởi chọn địa điểm này để làm căn cứ hoàn toàn phù hợp với tình hình quân sự, kỹ thuật tác chiến và lối đánh mai phục là chủ yếu thời kỳ đó. Chính địa thế núi rừng hiểm trở này lại rất tiện lợi cho việc dùng binh của ông. Những ngọn núi cao trên 200m nối tiếp nhau tạo thành một bức thành chắn kiên cố, bảo vệ sự an toàn cho căn cứ. Khu vực giữa của Trại Nái rộng rãi tới hàng chục mẫu, có thể xây dựng được nhiều kho tàng, quân lương. Vì thế, Lê Mô Khởi đã cho đóng ba doanh trại bao gồm: Trại trên, Trại giữa và Trại dưới. Vì có ba trại cùng đóng ở đây nên Trại Nái còn có tên là núi Ba Trại hay đồn Ba Trại.

Do địa hình thuận lợi, khu vực Trại Nái trở thành địa điểm quân sự từ thời Trịnh - Nguyễn phân tranh. Cả hai tập đoàn phong kiến đều lấy đây làm căn cứ tiền tiêu mưu đồ khôi phục đất nước. Lê Mô Khởi cũng nhận thấy được vị trí quan trọng của Trại Nái nên chọn nơi đây để đặt căn cứ trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình. Cả khu vực này được biến thành một khu đồn lũy quan trọng với đồn trung tâm và hệ thống đồn lũy bên ngoài bảo vệ.

Đối với đồn trung tâm, Lê Mô Khởi tập hợp nghĩa quân và nhân dân chiến đấu. Các đồn lũy khác được xây dựng xung quanh lẫn khuất trong địa thế tự nhiên của núi rừng với sự bảo vệ của hệ thống hàng rào bằng các cây cối, gai góc, dây dợ một cách chằng chịt tạo nên địa thế rất kiên cố, vững chắc. Hơn thế, Lê Mô Khởi còn chủ động xây dựng mạng lưới hào sâu chạy dọc các thành lũy để bảo vệ các thành lũy bên trong. Những hào sâu này được gia cố bằng

---

<sup>4</sup> Lê Văn Sơn, Lê Mô Khởi - Danh tướng thời Cần Vương, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002, tr.84.

những lớp đất dày, cành cây và những khúc gỗ để có thể tránh được làn đạn của kẻ thù. Từ hệ thống hào giao thông này đi vào trung tâm chỉ huy của Lê Mô Khởi được nguy trang rất cẩn thận.

Trong phạm vi 3km từ đồn trung tâm Trại Nái, Lê Mô Khởi cho xây dựng hệ thống phòng thủ gồm nhiều đồn lũy nằm rải rác xung quanh. Hệ thống vòng ngoài được tạo thành từ bốn cụm chính. Các cụm có các lãnh binh, võ sư, võ sĩ chỉ huy và chuẩn bị phương tiện để ứng cứu nhanh. Ưu điểm của các cụm này là vừa có thể phòng thủ một cách chắc chắn, vừa có thể cấp báo kịp thời cho bộ chỉ huy khi bị tấn công từ bên ngoài.<sup>5</sup>

Lê Mô Khởi rất quan tâm đến việc sử dụng những phương tiện phòng ngự như hào và lũy, hầu hết các hào và lũy đều được cắm cọc tre tua tua ở phía trên. Phía ngoài lũy được chắn hàng rào bằng thân cây và được gia cố bằng những dây leo tạo thành một chướng ngại vật chằng chịt, rối rắm rất khó thâm nhập. Lê Mô Khởi còn cho cắm thành những bãi chông vót bằng tre gộc ở giữa các dãy hàng rào trên địa bàn rộng hàng trăm mét rải rác khắp rừng. Sự bố trí cẩn trọng và khéo léo này tạo thành nhiều tuyến đường để ra vào đồn, nhưng vẫn có hai con đường bí mật riêng biệt để vào và ra khỏi đồn trung tâm. Con đường dẫn ra ngoài có cửa để nguy trang đánh lạc hướng quân thù, còn vào trung tâm Trại Nái phải đi qua một con đường nhỏ khác được nguy trang bí mật, khó trông thấy được.

Lê Mô Khởi đã biết khéo léo dựa vào địa thế tự nhiên của núi rừng để xây dựng đồn lũy. Vì vậy, cấu trúc đồn lũy của ông được bố trí tùy thuộc vào thế đất lồi lõm. Tất cả các lũy đều được dựng hàng rào tre nghiêng ra phía ngoài, cắm đầy chông nhọn. Phía trước hào có hai hàng rào được gia cố vững chắc bằng các loại dây leo với các xà gỗ. Khoảng đất giữa hai hàng rào cũng cắm đầy chông nhọn kéo dài đến tận rừng sâu.

Hệ thống đồn lũy của căn cứ Trại Nái bao gồm đồn trung tâm và các đồn lũy bên ngoài, trong đó, các đồn bên ngoài được Lê Mô Khởi xây dựng nhằm hỗ trợ cho đồn trung tâm. Ông cho xây dựng một đồn lũy liên hoàn 4 đồn phụ (4 cụm) tạo nên thế vững chắc.

Ở cụm phía Đông, Lê Mô Khởi bố trí đồn lũy rất chu đáo. Ông chọn một mỏm đồi cách Trại Nái khoảng 400m để bố trí một hệ thống phòng ngự ngầm, có đường hào chữ chi chạy từ mỏm đồi xuống Suối Gò (Vực Sanh). Cách bố trí này tạo nên sự thuận lợi cho việc đi lại, tiếp ứng lẫn nhau, vừa bí mật vừa an toàn. Lũy được bố trí khéo léo, bên ngoài là lớp mây gai dày đặc. Tại cụm này, Lê Mô Khởi cho bắc một chiếc cầu qua suối (Ngọn Vực Sanh) nối pháo đài

<sup>5</sup>. Nguyễn Quang Trung Tiến, Tìm hiểu hệ thống di tích các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở khu vực Bình Trị Thiên cuối thế kỷ XIX, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Khoa học Huế, năm 2005.

Bắc được giấu kín dưới mặt nước ở độ sâu gần nửa mét.

Ở phía Nam cách đồn trung tâm cũng chừng 400m, Lê Mô Khởi cho xây dựng cụm Nam trên một mỏm đồi thấp. Đồn này được cấu tạo bằng hai vòng hào và lũy cắm cọc tua tua ở phía trên. Lũy được chắn các hàng rào bằng thân cây, che lấp khéo léo đến mức có thể nhìn thấy những vùng xung quanh tiếp cận với nó nhưng vẫn tránh được những làn đạn trực tiếp bằng súng địch. Đây là cụm nghĩa quân dùng để phục kích, đón đánh các cuộc hành quân của giặc Pháp từ đồn Hoàn Lão lên Cự Nẫm, Phong Nha làm cho kẻ địch khiếp sợ và rất khó nhọc trong công cuộc mở rộng chiếm đóng lên vùng sơn phòng hạt Bồ Trạch.

Cụm phía Tây, Lê Mô Khởi cũng dựa vào mấy ngọn đồi bao quanh để xây dựng. Riêng đối với cụm này ông không đắp lũy mà chỉ đào những hệ thống hào giao thông nằm chìm ngang dưới đất, không có bờ, ẩn kín trong cây. Cụm này được xây dựng để mai phục ven sông Son, do ông Lưu Diệt chỉ huy. Chính địa hình núi cao ở đây đã giúp nghĩa quân nhiều lần chặn đứng các cuộc hành quân của giặc Pháp bằng thuyền lên càn quét vùng thượng lưu sông Son.

Đối với căn cứ trung tâm Trại Nái, đây là đồn chỉ huy của nghĩa quân, Lê Mô Khởi cũng dựa hoàn toàn vào địa thế tự nhiên để hoạt động. Căn cứ Trại Nái được xây dựng trên những triền đồi nhấp nhô của núi Lệ Đệ, ở đây có rừng cây rậm rạp bao phủ chằng chịt mây song, lau lách, với hàng trăm loài muông thú sinh sống. Đây là vùng đất lý tưởng để thực hiện những trận phục kích, tiếp tục chống trả các cuộc hành quân của địch. Sự kết hợp giữa địa hình tự nhiên lợi hại với hệ thống công sự kiên cố đã tạo thành một bãi chiến trường mà quân ta hoàn toàn có thể chủ động được. Dựa vào địa thế đó, nghĩa quân có thể giấu mình bí mật mà khó ai có thể phát hiện ra. Sự chủ động này đã giúp nghĩa quân bảo vệ được doanh trại của mình và đẩy lùi được nhiều cuộc càn quét của kẻ địch.

Để nắm được tình hình quân Pháp từ xa, cũng như chủ động trong các cuộc phục kích chống lại kẻ thù, Lê Mô Khởi đã cho xây dựng một đài quan sát (chòi canh) ở phía Bắc của Trại Nái. Đài quan sát được đặt trên ngọn núi cao 224m án ngữ trước mặt làng Cao Lao Hạ. Từ đây, nghĩa quân có thể quan sát rất rõ tới tận sông Gianh và cửa biển sông Gianh; đồng thời thấy được những cuộc hành quân quy mô của quân Pháp chiếm đóng ở Quảng Khê và trên đường Thiên Lý, đoạn qua phà Quảng Khê. Trên ngọn núi này, luôn có lá cờ Cờ Vua tung bay nên nhân dân địa phương gọi là núi Chóp Cờ (Kỳ Sơn).

Chính sự kết hợp hoàn hảo từ địa thế tự nhiên và hệ thống đồn lũy của căn cứ Trại Nái đã tạo nên một khu quân sự của nghĩa quân Cờ Vua có thể thực hiện được chiến lược đánh du kích và đánh mai phục là chủ yếu với các dụng cụ giáo mác và các phương tiện thô sơ khác. Lê Mô Khởi đã biết khắc phục sự

hạn chế về kỹ thuật tác chiến bằng địa thế của tự nhiên và lối đánh phù hợp. Vì vậy trong thời gian hoạt động, nghĩa quân đã hạn chế được rất nhiều những cuộc hành quân của giặc Pháp.

Bên cạnh căn cứ kiên cố và rất vững chắc, Lê Mô Khởi còn chú ý xây dựng lực lượng nghĩa quân với quân số ngày càng đông lên đến hơn nghìn người. Trong đó, có nhiều nhân vật nổi tiếng tham gia, với một bộ chỉ huy gồm đề đốc, lãnh binh, nhiều suất đội, võ sư, võ sĩ tài giỏi. Việc luyện tập võ nghệ cho nghĩa quân diễn ra ngày đêm và do chính các võ sư phụ trách. Nghĩa quân cũng tự rèn luyện vũ khí như gươm, đoản đao, mã tấu, cung tên để trang bị cho việc chiến đấu. “Vào đầu mùa đông năm Ất Dậu (1885), ông đã biến núi rừng Lệ Đệ thành một căn cứ chống Pháp. Ông đã làm chủ từng tác đất, gốc cây. Bằng tài năng, đức độ và uy tín của mình, ông Lê Mô Khởi đã liên hệ được với các thủ lĩnh địa phương, các trai tráng trong vùng đều tự nguyện đứng dưới cờ nghĩa của ông để chống Pháp, cứu nước”.<sup>6</sup>

Nghĩa quân Trại Nái cũng nhận được sự ủng hộ tuyệt đối của nhân dân địa phương, vì vậy, nghĩa quân hoạt động đến đâu đều được nhân dân giúp đỡ. Tình nghĩa quân dân khăng khít tới mức người dân nào cũng đều coi cuộc kháng chiến này là của mình và họ đã đóng góp tiền của, lúa gạo hỗ trợ nghĩa quân chiến đấu. Nghĩa quân cũng chủ động khai phá đất hoang trồng nhiều cây lương thực và chăn nuôi gia súc, gia cầm để cung cấp lương thực, thực phẩm tại chỗ.

Nghĩa quân không chỉ gắn bó với nhân dân trong chiến đấu chống giặc mà còn tiếp nhận con em của các gia đình trong địa phương đã từng làm lính ngụy trở về gia nhập vào nghĩa quân. Ảnh hưởng rộng lớn của nghĩa quân Trại Nái trong nhân dân còn được lưu lại với câu nói trong dân gian “Thứ nhất theo Quan lớn Lê, thứ nhì trở về làm ruộng”.

Với sự hậu thuẫn của nhân dân, nghĩa quân liên tục chủ động tấn công đối phó với những cuộc hành quân đàn áp của giặc Pháp và giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Tiêu biểu như trận phục kích táo bạo ở Khe Nước hay trận tấn công vào đồn Quảng Khê tháng 11 năm 1886 khiến kẻ địch hoang mang lo sợ, không dám ra khỏi đồn bắn phá, cướp bóc nữa.

Dựa vào địa thế hiểm trở, nghĩa quân thường xuyên tiến hành nhiều cuộc phục kích, tập kích, bao vây bí mật để tiêu hao sinh lực địch và đã khống chế cả vùng từ Hoàn Lão, Lý Hòa, Khe Nước, Quảng Khê lên đến vùng trung lưu sông Sơn. Không chỉ độc lập tác chiến, Lê Mô Khởi còn phối hợp với nghĩa quân Lê Trực, tổ chức nhiều trận đánh hợp đồng, đã đánh thắng nhiều trận, có khi đánh vào tận đồn Hoàn Lão và thành Động Hải (Động Hới) làm

---

<sup>6</sup>. Lê Văn Sơn, Sđd, tr.98.

cho quân Pháp và triều đình nhà Nguyễn nhiều phen khiếp sợ.

Đến tháng 9 năm 1886, toàn quyền Pháp là Paul Bert đã tạo áp lực khiến vua Đồng Khánh phải ra Quảng Bình phủ dụ và chiêu hồi các lãnh tụ Cần Vương, trong đó có Lê Mô Khởi. “Từ nay, thân hào đều nên sớm biết quay đầu về, cho giải tán binh đồng, bó thân về với triều đình, hoặc do các địa phương, hoặc do các quân thứ các tỉnh bảm xét. Trừ Lê Thuyết không thể dùng lại được, nếu chịu quay đầu về, tạm cho lui về nhàn tản ra, còn thì trong đám đầu mục giặc, người nào hễ trước có quan chức như bọn Trương Văn Ban, Nguyễn Trực, Nguyễn Thư, Lê Mô Khởi, Nguyễn Thuyên Thành... đều được vẫn theo nguyên hàm lượng bỏ các tỉnh từ Quảng Bình, Quảng Trị trở vào Nam, để cho mưu đồ lấy việc thiện sau che đậy tội ác trước...”<sup>7</sup>

Về vấn đề Lê Mô Khởi có quy thuận theo dụ của vua Đồng Khánh hay không hiện nay có hai quan điểm trái ngược nhau.

Quan điểm thứ nhất, theo tác giả Lê Văn Sơn, Hữu Phương<sup>8</sup> và nhiều tài liệu cho rằng Lê Mô Khởi không quy thuận, ông vẫn tiếp tục theo con đường chiến đấu chống Pháp xâm lược đến cùng. Đến năm 1887, khi quân Pháp mở cuộc hành quân tấn công vào căn cứ Trại Nái với lực lượng hùng hậu và vũ khí súng đạn hiện đại, Lê Mô Khởi thấy sức mình không trụ được, bèn cho lệnh lui quân về phía Nam rừng Trường Sơn. Căn cứ Trại Nái thất thủ, gần 300 nghĩa quân bị bắt, trong đó có 60 nhân vật nổi tiếng (có cả bà Nguyễn Thị Luyến, đệ tam phu nhân Lê Mô Khởi và các con ông). Lê Mô Khởi cùng một số quân tướng lên Tuyên Hóa tìm gặp vua Hàm Nghi, được nhà vua phong chức Tán tương quân vụ. Khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888), Lê Mô Khởi vẫn tập hợp một số nghĩa quân còn lại vào rừng sâu, tiếp tục kháng chiến.

Không chỉ tác chiến độc lập, Lê Mô Khởi còn phối hợp với nghĩa quân Phan Đình Phùng chiến đấu chống lại những trận càn quét của quân Pháp tấn công vào vùng Tây Quảng Bình và Hà Tĩnh. Lê Mô Khởi đã thể hiện sự tận trung với nước, với dân và ông đã dũng cảm, hết lòng vì nước, vì dân. Vì vậy, mặc dù phải sống và chiến đấu trong điều kiện gian lao, vất vả chốn rừng sâu, nhưng ông không hề nao núng. Chỉ đến khi không còn đủ sức đương đầu với bệnh tật chốn rừng sâu nước thẳm, thiếu thốn mọi bề, cuộc chiến không còn sức của ông mới dừng lại.

Quan điểm thứ hai thể hiện rõ trong Đại Nam thực lục, rằng Lê Mô Khởi đã quy thuận theo dụ của vua Đồng Khánh. “Hoàng Kế Viêm tâu nói: “Tháng chạp năm ngoái, viên sứ thần ấy tuân theo đi ra ngoài quan ải, Lê Mô Khởi cùng đảng ngụy ra thú hơn 180 người (từ đầu danh mục có tiếng trở lên 30

<sup>7</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, Sđd, tr.282.

<sup>8</sup>. Lê Văn Sơn, Sđd, tr.8.



người, sĩ, lại, binh, thú 150 người); trong quan ả tiếp tục ra thú hơn 90 người (từ danh mục trở lên hơn 30 người, sĩ, lại, binh, thú hơn 60 người).<sup>9</sup>

Vì thế, tới năm Đinh Hợi (năm Đồng Khánh thứ 2, 1887), vua cho Thị độc sung Sử quán Biên tu là Lê Mô Khởi (nguyên Hồng Lô tự thiếu khanh, Tá lý bộ Lại bị giáng), tạm được hàm trước, cho đem tờ dụ lần lượt tới sơn phận các tỉnh từ Quảng Bình trở ra Bắc, thăm dò đích thực tin tức vua Hàm Nghi, tùy cơ làm việc cho ổn thỏa. “Mô Khởi nói, năm trước đi theo Xuất đế, am hiểu đường sá, xin bí mật đi thăm dò nơi ở, kính đem lòng tốt của nhà vua, cần cho chóng được về triều, cho bọn bắt lương khỏi vin có sinh sự. Quan ở việc cũng cho là: Xuất đế về chậm một ngày, thì lòng người ở Nghệ An, Hà Tĩnh thêm một ngày trông ngóng, cho nên tâu xin chuẩn y lời xin”.<sup>10</sup>

Tuy nhiên, trong ghi chép của Đại Nam thực lục có thể không tránh khỏi sự nhầm lẫn. Vì ngay từ sự kiện Lê Mô Khởi từ quan về quê ở ẩn năm 1884 (sau hiệp định Patenôtre ký kết chưa được một tháng), sử sách triều Nguyễn có chép “Ông Lê Mô Khởi nguyên là Bô chính Hải Dương đã chết”.<sup>11</sup> Trên thực tế, ông về ở ẩn tại quê nhà. Những năm sau đó, cũng chính trong Đại Nam thực lục lại có thông tin ghi chép về việc Lê Mô Khởi hoạt động trong phong trào Cần Vương chống Pháp (như đã trích dẫn ở trên). Rõ ràng có sự không thống nhất trong ghi chép của sử sách triều Nguyễn khiến người ta nghi ngờ thông tin về những người yêu nước thời bấy giờ.

Việc Lê Mô Khởi có quy thuận theo dụ của vua Đồng Khánh hay không còn là vấn đề chưa thống nhất trong cách nhìn nhận của các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, những bằng chứng thiên về quan điểm thứ nhất vẫn dễ được chấp nhận nhiều hơn. Vì nhiều tài liệu còn ghi chép lại việc vua Đồng Khánh ra Quảng Bình chiêu dụ vua Hàm Nghi và các tướng lĩnh khác nhưng không thu được kết quả gì. Vua Đồng Khánh xa giá ở kinh đi từ ngày 16 tháng 5 năm Bính Tuất (1886), nhưng mãi tới cuối tháng 7 mới tới Quảng Bình. Xa giá đi đến đâu thì đảng cự thần vẫn không phục, cứ đem quân đến chống cự, cho nên lần ấy vua đi tuần thú không có kết quả gì. Khi ra tới Quảng Bình thì vua Đồng Khánh yếu về sức khỏe, ở được vài mươi ngày rồi phải xuống tàu đi đường hải đạo trở về Huế. Về cuộc kinh lý lần này của Đồng Khánh, một người nước ngoài từng chính mắt chứng kiến đã phát biểu như sau: “Chưa bao giờ ở bất cứ nơi nào, ở bất cứ thời kỳ nào người ta lại thấy vị chúa tể được thần dân đón tiếp một cách quâ u tồi tàn như đón tiếp cái anh chàng Đồng Khánh ấy cả”.<sup>12</sup>

Điều này được lý giải rằng triều đình Đồng Khánh là do thực dân Pháp

<sup>9</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, Sđd, tr.309.

<sup>10</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, Sđd, tr.362.

<sup>11</sup>. Đại Nam thực lục chính biên, tập 36, tr.141, dẫn theo Lê Văn Sơn, Sđd, tr.61.

<sup>12</sup>. Việt Nam những sự kiện lịch sử, tr.288, dẫn theo Lê Văn Sơn, Sđd, tr.120.

dựng nên, đã đầu hàng giặc và trở thành tay sai cho giặc Pháp nên không thể có uy tín để nhân dân tôn thờ. Nhân dân ta chỉ thừa nhận một vị vua duy nhất - vua Hàm Nghi. Chính vì vậy, các lãnh tụ Cần Vương đều một lòng theo vua Hàm Nghi, Lê Mô Khởi vẫn tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân Trại Nái chống quân xâm lược Pháp.

Sau vua Đồng Khánh, Hoàng Kế Viêm tiếp tục ra quân thứ mạn Quảng Bình nhưng các tướng lĩnh của phong trào Cần Vương vẫn không chịu khuất phục, chỉ có bọn thủ hạ lác đác vài người ra thú mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng Kế Viêm ra kinh lược cũng không thành công, cho nên đến tháng 5 năm Đinh Hợi (1887) lại phải triệt về.

Và lại, nếu có chuyện Lê Mô Khởi chấp nhận quy thuận thì sẽ không thể có kết cục Lê Mô Khởi được vua Hàm Nghi phong chức Tán tương quân vụ. Như vậy, quan điểm cho rằng Lê Mô Khởi không chịu quy thuận dụ của vua Đồng Khánh vẫn có nhiều điểm hợp lý và có cơ sở nhất định.

Với những đóng góp của Lê Mô Khởi, mặc dù cuộc chiến đấu mà ông theo đuổi với tất cả tâm huyết không mang lại kết cục như mong muốn, nhưng ông vẫn xứng đáng là một danh nhân lịch sử đáng được tôn vinh. Vì vậy, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Sử học đã ra Công văn số 126/VSH-LKH về việc thẩm định nhân vật lịch sử, Hà Nội ngày 16/9/2006 cho rằng Lê Mô Khởi xứng đáng là một danh nhân lịch sử cần được tôn vinh.<sup>13</sup>

Cuộc chiến đấu chống Pháp do Lê Mô Khởi lãnh đạo dưới cờ Cần Vương diễn ra ở Quảng Bình không đưa lại kết quả như ông mong đợi, người Pháp đã đàn áp cuộc đấu tranh đó với sự hơn hẳn về lực lượng và vũ khí quân sự. Vì vậy, dù cuộc chiến đấu thất bại, nhưng đặt trong bối cảnh chung của lịch sử lúc bấy giờ, đó là một kết quả tất yếu. Xét trong tương quan lực lượng và vũ khí chiến đấu, nghĩa quân Cần Vương hoàn toàn không thể đối chọi lại với những gì mà người Pháp có thời đó. Dù có dũng cảm, kiên cường tới đâu đi nữa, nghĩa quân Cần Vương cũng không thể đem tinh thần quật cường và giáo mác để đấu lại với súng đạn hiện đại. Vì vậy, trong cuộc chiến không cân sức này, kết cục không như mong đợi là điều chắc chắn xảy ra. Hơn nữa, đây là thời kỳ chế độ phong kiến Việt Nam suy vong trầm trọng, triều đình nhà Nguyễn thì bất lực, các sĩ phu tiến bộ dù có lòng yêu nước, chí căm thù giặc thì cũng không thống nhất được lực lượng đấu tranh về một mối. Nhưng cũng chính từ kết cục bi thương đó, chúng ta lại thấy ngời sáng lên những vị lãnh tụ ngoan cường, những tấm gương hy sinh một cách trọn vẹn cuộc đời mình cho nhân dân, cho

---

<sup>13</sup>. Phan Anh Trung, “Khu lăng mộ và đền thờ danh tướng Cần Vương Lê Mô Khởi”, đăng trên <http://caolaoha.com>.

đất nước. Dù thất bại trong sự nghiệp đấu tranh chống Pháp của mình, Lê Mô Khởi đã thể hiện là một người có thái độ chống thực dân Pháp kiên cường nhất, tiêu biểu cho ý chí bất khuất trước kẻ thù. Và đó cũng là hành động của một kẻ sĩ có trách nhiệm đối với quê hương, đối với dân tộc.



Toàn cảnh khu lăng mộ danh tướng Cần Vương Lê Mô Khởi (Khởi)  
(nay thuộc làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình)

Nhân dân làng Cao Lao Hạ cũng đã lập đền thờ để tưởng nhớ công lao của Lê Mô Khởi - một người con tận tụy, hết lòng vì nước vì dân; ông cũng được tôn xưng là Thần hoàng bản thổ.

Quần thể di tích lịch sử đền thờ Lê Mô Khởi và căn cứ Trại Nái hiện nay cần được bảo tồn, phát huy để giáo dục truyền thống lịch sử kiên cường, bất khuất của cha ông ta nói chung, đồng thời nhắc nhở các thế hệ con cháu nhớ về công lao và tâm vóc của Lê Mô Khởi trong lịch sử dân tộc nói riêng.

Cuộc chiến đấu chống Pháp tại căn cứ Trại Nái của Lê Mô Khởi dưới cờ Cần Vương ở Quảng Bình nổ ra đã hơn một thế kỷ (1885-2015), nhưng hình ảnh lẫm liệt của nghĩa quân Trại Nái dưới quyền chỉ huy của Tán tương quân vụ Lê Mô Khởi vẫn còn in đậm trong lòng người dân làng Cao Lao Hạ (Hạ Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình) và Ba Trại (Trại Nái) là một địa danh nổi tiếng cho đến bây giờ.



Bia và mộ Lê Mô Khởi

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 9, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
2. Lê Văn Sơn, *Lê Mô Khởi - Danh tướng thời Cần Vương*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002.
3. Nguyễn Quang Trung Tiên, “*Tìm hiểu hệ thống di tích các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở khu vực Bình Trị Thiên cuối thế kỷ XIX*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Khoa học Huế, năm 2005.
4. <http://caolaoha.com>.